TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**: 55**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 - 2021
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Ông Trương Hoài Khanh**

2/ Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Bà Danh Thị Sà Ron –** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc **"*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh T, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1046/14 đường T2, phường H thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1046/14 đường T2, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/03/2021 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đào Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh T1tự tìm hiểu rồi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H1, tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 01/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng tại địa chỉ số 1046/14 đường T2, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang đến nay. Sau khi kết hôn vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng thời gian khoảng tháng 11/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn và đã sống ly thân đến nay.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T1 không tạo cho tôi niềm tin, cụ thể: Điện thoại anh T1 không cho tôi xem, từ khi cưới nhau đến nay anh T1 không đưa tiền sinh hoạt cũng như tôi không hề biết thu nhập của anh

T1 như thế nào, anh T1 muốn đi đâu thì đi không báo lại cho tôi biết còn thường xuyên đi uống rượu. Ngoài ra, vợ chồng ở cùng với mẹ chồng, tính tình mẹ chồng rất khó, làm việc gì mẹ chồng cũng không ưng nhưng anh T1 không hề quan T an ủi tôi. Mặc khác, anh T1 có nhiều mối quan hệ không rỏ ràng bên ngoài đặc biệt tình cảm nam nữ. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị Đào Thị Thanh T xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Tâm N, sinh ngày 17/7/2015 đang sinh sống với chị T, anh T1. Chị T yêu cầu được nuôi con, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/5/2021 anh Trần Xuân T1 trình bày: Anh T1thống nhất theo lời trình bày của chị T về vấn đề quan hệ hôn nhân, về các con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, tôi sẽ cố gắng khắc phục, hiện tôi vẫn thương vợ con nên tôi xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình và nuôi dạy con tốt. Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: Anh Trần Xuân T1 xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Tâm N, sinh ngày 17/7/2015. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi yêu cầu được nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đào Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Trần Xuân T1 và anh T1 có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Xuân T1 đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình tránh mặt không đến Toà án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh T1 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân T1 và chị Đào Thị Thanh T tự tìm hiểu nhau rồi tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H1, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 01/01/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị T là hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 luôn bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt của gia đình, anh T1, chị T không tạo được lòng tin cũng như không quan T đến cảm giác của đối phương, từ đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, tình cảm ngày càng rạn nứt. Ngoài ra, chị T còn nghi ngờ anh T1 có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng chị T, anh T1 đã có khoảng thời gian ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay nhưng không hàn gắn được. Từ những mâu thuẫn trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh T1 không còn yêu thương, chung thủy mà ngày càng trở nên căn thẳng và tại phiên tòa, chị T xác định chị không còn tình cảm, yêu thương anh T1 và cương quyết xin ly hôn. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan T, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T1 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Thanh T đối với anh Trần Xuân T1 là hoàn toàn phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T1 có 01 người con chung tên Trần Tâm N, sinh ngày 17/7/2015, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con. Từ những chứng cứ thể hiện chị T có đủ điều kiện về kinh tế, đạo đức đảm bảo chăm sóc cho cháu N phát triển tốt. Mặc khác, cháu N là bé gái còn nhỏ, đang trong giai đoạn phát triển về thể chất lẫn T, sinh lý nên rất cần sự trông nom, chăm sóc của người mẹ; do đó, việc giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và tại phiên tòa, chị T cũng đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cháu N. Nếu sau này anh T1 có căn cứ cho rằng việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị T không đảm bảo, làm ảnh hưởng đến lợi ích của con thì anh T1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, qua nghị án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất giao cháu Trần Tâm N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh T1 được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị Thanh T và anh Trần Xuân T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Đào Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Xuân T1.

2. Về con chung: Giao người con tên Trần Tâm N, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Đào Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Xuân T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị Thanh T và anh Trần Xuân T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đào Thị Thanh T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0001776 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, không phải nộp thêm.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2021). Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận :**
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. G
- Chi cục THA dân sự TP.G
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Thùy Linh